

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QL03029: THANH TRA ĐẤT (LAND INSPECTION)**

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: 2 (**Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 - Tự học: 6**)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp/ trực tuyến :18 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp/ trực tuyến : 4 tiết
 - + Thực hành trong phòng/ ngoài trường: 8 tiết
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - + Bộ môn: Quản lý đất đai
 - + Khoa: Tài nguyên và môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> | |
|------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|--|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

| Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra |
|--|---|
| Kiến thức chung | |
| Kiến thức chuyên ngành | |
| CĐR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội | 2.1. Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai |

| Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra |
|---|--|
| CDR3: Xác định giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu. | 3.1. Xác định giải pháp quản lý đất đai đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu |
| Kỹ năng chung | |
| CDR4: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyên giao công nghệ trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả; | 4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai |
| CDR5: Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và khởi nghiệp trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai. | 5.2. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai. |
| Kỹ năng chuyên ngành | |
| CDR7: Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai. | 7.3. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CDR8: Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai. | 8.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; 8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc ngành Quản lý đất đai. |

*** Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học:

- các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra đất đai, kiến thức về xử phạt vi phạm hành chính về đất đai khiếu nại, tố cáo về đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, tranh chấp đất đai.
- Tạo lập kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; kỹ năng xử phạt vi phạm hành chính về đất đai
- Chủ động trong học tập và vận dụng linh hoạt vào thực tế.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce);

M – Đạt được (Master)

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | |
|---------|---------------|---|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| | | 2.1 | 3.1 | 4.1 | 5.2 | 7.3 | 8.1 | 8.3 |
| QL03029 | Thanh tra đất | R | R | R | P | R | R | R |

| Kí hiệu | KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được: | CĐR của CTĐT |
|---------------------------------------|--|--------------|
| Kiến thức | | |
| K1 | Phân tích quá trình thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của chủ thể quản lý đất đai/ chủ sử dụng đất trên cơ sở quy định của pháp luật | 2.1 |
| K2 | Xác định giải pháp quản lý, sử dụng đất đai đối với từng nhóm đối tượng sử dụng đất. | 3.1 |
| Kỹ năng | | |
| K3 | Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình Quản lý đất đai một cách có hiệu quả; | 4.1 |
| K4 | Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo đất đai | 5.2 |
| Kỹ năng chuyên ngành | | |
| K5 | Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc ngành quản lý đất đai | 7.3 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| K6 | Làm việc độc lập, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đất đai. | 8.1; 8.3 |

III. Nội dung tóm tắt của học phần:

QL03029. Thanh tra đất (2TC: 1,5-0,5; 6). Học phần gồm 6 chương với nội dung về: Những quy định chung về thanh tra; Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Thanh tra đất đai; Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết tranh chấp đất đai. Học phần học trước: Quản lý nhà nước về đất đai
- Học phần học trước: không

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Giảng dạy trực tuyến
- 3) Tổ chức thảo luận nhóm/ thảo luận trực tuyến

2. Phương pháp học tập

- 1) Nghe giảng trên lớp, nghe giảng trực tuyến
- 2) Thảo luận trên lớp/ thảo luận trực tuyến
- 3) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp/ tham dự buổi học trực tuyến
- 4) Chuẩn bị bài trước lớp, lớp học trực tuyến và giảng viên

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải tham dự lớp học/ lớp học trực tuyến tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học/ tham gia học trực tuyến
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải tham gia thảo luận các chủ điểm học tập trên lớp, chia nhóm tham gia trả lời các câu hỏi nhanh sau mỗi bài giảng/ buổi học trực tuyến
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành theo nhóm sinh viên. Có đủ 2 bài thực hành theo nhóm.
- Thi cuối kì: Một bài thi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

| Rubric | KQHTMD được đánh giá | Trọng số (%) | Tuần |
|--|----------------------|--------------|---------------------|
| Đánh giá quá trình | | 40 | |
| Rubric 1 – Đánh giá tham dự lớp/lớp học trực tuyến | K5, K6 | 10 | Thời gian học |
| Rubric 2 – Đánh giá thảo luận nhóm/nhóm / trực tuyến | K1, K2, K3, K6 | 10 | 1-9 |
| Rubric 3 – Đánh giá bài tập thực hành | K1, K2, K3, K4, K6 | 20 | Theo lịch thực hành |
| Đánh giá cuối kỳ | | 60 | |
| Rubric 4-Đánh giá thi cuối kì | K1, K2 | 60 | Theo lịch thi HV |

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

| Kí hiệu | KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được: | CĐR của CTĐT |
|------------------|--|--------------|
| Kiến thức | | |
| K1 | Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai của chủ thể thực hiện, việc thực hiện nghĩa vụ của chủ sử dụng đất trên cơ sở quy định của pháp luật | 2.1 |
| K2 | Phân tích, xác định, đưa ra kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai | 3.1 |

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8,5 – 10 điểm | Khá 6,5 – 8,4 điểm | Trung bình 4,0 – 6,4 điểm | Kém 0 – 3,9 điểm |
|-------------------|--------------|---|--|--|-------------------------------------|
| Thái độ tham dự | 50 | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia | Không chú ý/không tham gia |
| Thời gian tham dự | 50 | Tham dự từ 3/4 thời lượng môn học trở lên | Tham dự từ 1/2 đến dưới 3/4 thời lượng môn học | Tham dự từ 1/4 đến dưới 1/2 thời lượng môn học | Tham dự dưới 1/4 thời lượng môn học |

Rubric 2: Thảo luận nhóm

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|----------------------------|--------------|-------------------------|-----------------------------|---|------------------------------|
| Kỹ năng thảo luận | 50 | Phân tích, đánh giá tốt | Phân tích, đánh giá khá tốt | Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt | Phân tích, đánh giá chưa tốt |
| Chất lượng đóng góp ý kiến | 50 | Sáng tạo, phù hợp | Phù hợp | Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp | Không phù hợp |

Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|-------------------|--------------|---|--|--|--|
| Kết quả thực hành | 80 | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng | Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |
| Báo cáo thực hành | 20 | Đúng quy định của môn học | Theo mức độ đáp ứng | | |

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành sẽ không được dự thi cuối kỳ và nhận điểm 0

Tham dự thảo luận nhóm: Không tham gia thảo luận nhóm/thảo luận nhóm trực tuyến sẽ nhận điểm 0

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

* Giáo trình/bài giảng:

- Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương (2017) - Giáo trình Thanh tra đất – Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.
- Đỗ Thị Đức Hạnh, Hoàng Anh Đức (2011) - Giáo trình Thanh tra đất – Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2022) Luật Thanh tra
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2011) Luật Khiếu nại
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2011) Luật Tố cáo
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012) Luật Xử phạt vi phạm hành chính
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013) Luật Đất đai
- Chính phủ (2011)- Nghị định 86/2011/NĐ- CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra
- Chính phủ (2011) Nghị định 97/2011/NĐ – CP quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra.
- Chính phủ (2012) Nghị định 07/2012/NĐ – CP Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành
- Chính phủ (2012) Nghị định 75/2012/NĐ – CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại
- Chính phủ (2012) Nghị định 76/2012/NĐ – CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại
- Chính phủ (2012) Nghị định 83/2012/NĐ – CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.
- Chính phủ (2012) – Nghị định 102/2014/NĐ – CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai
- EU, UN, 2012. Land and Conflicts: Toolkit and guidance for preventing and managing land and natural resources conflict. https://www.un.org/en/land-natural-resources-conflict/pdfs/GN_Land%20and%20Conflict.pdf

VIII. Nội dung chi tiết học phần:

| Tuần | Nội dung | KQHTMD của học phần |
|------|--|---------------------|
| 1 | Chương 1: Những quy định chung về thanh tra | |
| | A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm, mục đích, đối tượng, nguyên tắc, thời hạn thanh tra;- Nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành thanh tra;- Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra. | K1, K2 |

| Tuần | Nội dung | KQHTMĐ của học phần |
|------|---|------------------------|
| | <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</i> Vị trí, quy trình thanh tra | |
| 2 | Chương 2: Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra | |
| | <i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) - Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra nhà nước - Cơ quan thanh tra tài nguyên môi trường | K1, K2 |
| | <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</i> Phân biệt cơ quan thanh tra nhà nước và cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra. | K1, K2 |
| 3 | Chương 3: Thanh tra đất đai | |
| | <i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) Nội dung thanh tra đất đai | K1, K2, K3, K5, K6 |
| | <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</i> Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của thanh tra đất đai | K1, K2, K5, K6 |
| 4 | Chương 4: Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai | |
| | <i>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của xử lý vi phạm hành chính Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả - <u>Nguyên tắc, cách xác định mức độ hậu quả của hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai</u> - Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính | K1, K2, K3, K4, K5, K6 |
| | <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</i> Hình thức và mức xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai | K1, K2 |
| 5 | <i>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (0 tiết) Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm (4 tiết) Nhận diện hành vi vi phạm hành chính về đất đai | K1, K2, K3, K4, K5 |
| | <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết)</i> Hình thức và mức xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai | K1, K2, K5 |
| 6 | <i>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</i> | |

| Tuần | Nội dung | KQHTMĐ của học phần |
|------|---|------------------------|
| | <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (0 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm (4 tiết)</p> <p>Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai</p> | K1, K2, K3, K4, K5 |
| 7 | <p>Chương 5: Giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> | |
| | <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khiếu nại hành chính - Giải quyết khiếu nại hành chính <p>Nội dung thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Phân biệt khiếu nại hành chính và khiếu nại tư pháp, điều kiện để khiếu nại được giải quyết</p> | K1, K2, K3, K4, K6 |
| | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(9 tiết)</p> <p>Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, quy trình giải quyết khiếu nại</p> | K1, K2, K6 |
| 8 | <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tố cáo và giải quyết tố cáo - Quản lý giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo <p>Nội dung thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Phân biệt khiếu nại, tố cáo;</p> | K1, K2, K3, K4, K6 |
| | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(9 tiết)</p> <p>Thẩm quyền giải quyết tố cáo, quy trình giải quyết tố cáo</p> | K1, K2 |
| 9 | <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>Tranh chấp đất đai</p> <p>Giải quyết tranh chấp đất đai</p> <p>Hòa giải tranh chấp đất đai</p> | K1, K2, K3, K4, K5, K6 |
| | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(9 tiết)</p> <p>Đặc điểm , nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất đai, quy trình hòa giải</p> | K1, K2 |
| 10 | <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (0 tiết)</p> <p>Nội dung bài tập/thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Vận dụng kiến thức giải quyết tình huống tranh chấp đất đai</p> | K1, K2, K3, K4, K5, K6 |
| | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(9 tiết)</p> <p>Tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai</p> | K1, K2 |

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực hành sạch sẽ, đủ sức chứa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- Các phương tiện khác: kết nối Internet, máy in
- E-learning.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. GVC NGUYỄN VĂN QUÂN

TS. GVCC ĐỖ THỊ ĐỨC HẠNH

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH

GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|--|---|
| Họ và tên: Đỗ Thị Đức Hạnh | Học hàm, học vị: Tiến sĩ. GVCC |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0989.055.956 |
| Email: dtdhanh@vnua.edu.vn | Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html |
| Cách liên lạc với giảng viên: | email; điện thoại, gặp trực tiếp |

Giảng viên giảng dạy học phần

| | |
|--|---|
| Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hương | Học hàm, học vị: Thạc sĩ, GVC |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0982420081 |
| Email: ntthuongtnmt@vnua.edu.vn | Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html |
| Cách liên lạc với giảng viên: | email; điện thoại, gặp trực tiếp |

Giảng viên giảng dạy học phần

| | |
|--|---|
| Họ và tên: Vũ Thanh Biền | Học hàm, học vị: Thạc sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0973.367.356 |
| Email: vtbien@vnua.edu.vn | Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html |
| Cách liên lạc với giảng viên: | email; điện thoại, gặp trực tiếp |

Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo quy định của Học Viện):

- Lần 1: 7/ 2018

Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện

- Lần 2: 7/ 2019

Thay đổi cách đánh giá theo thang Bloom

- Lần 3: 7/ 2020

Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện

- Lần 4: 7/ 2021

Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện

- Lần 5: 7/ 2022

Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện

- Lần 6: 7/ 2023

Thay đổi mẫu đề cương theo quy định của Học viện